

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA MỘT SỐ MÔ HÌNH SỬ DỤNG ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HÀNG HOÁ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LƯƠNG TÀI, TỈNH BẮC NINH

Đỗ Văn Nhạ*, Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Khắc Việt Ba

Khoa Quản lý Đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email : dovannha@vnua.edu.vn*

Ngày gửi bài: 25.07.2016

Ngày chấp nhận: 20.10.2016

TÓM TẮT

Sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng trong việc tạo ra sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp hàng hoá. Huyện Lương Tài trong những năm vừa qua đã hình thành nhiều mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị hàng hoá. Mục tiêu nghiên cứu là đánh giá hiệu quả và mức độ sản xuất hàng hoá của các mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy toàn huyện có 3 loại hình sử dụng đất (LUT) với 15 kiểu sử dụng đất. Một số mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cho hiệu quả và mức độ sản xuất hàng hoá cao như mô hình chuyên rau, riêng, cà rốt... Như vậy, các mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá đóng góp quan trọng trong phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất và giá trị gia tăng.

Từ khoá: Sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng hoá, mô hình sử dụng đất.

Assessing Efficiency of Agricultural Land Use Models for Commodity Production in Luong Tai District, Bac Ninh Province

ABSTRACT

Agricultural land use plays a vital role in producing agricultural products and agricultural commodity products. Recently, some models of agricultural land use in Luong Tai District have actually been set up to produce more commodity goods. The research objective was to assess the efficiency and commodity productive level of the agricultural production land use models in the district. The results show that there were three land use types (LUT) with 15 sub-LUTs. Some agricultural land use models were assessed with high level of efficiency and commodity production, such as vegetable crops, galangal (*Alpinia officinarum*) and carrots. Therefore, agricultural land use models for commodity production contribute significantly to agricultural development towards to increasing gross output and added value.

Keywords: Agricultural production land use, commodity production, land-use model.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nông nghiệp là hoạt động sản xuất cổ nhất và cơ bản nhất của loài người (Nguyễn Văn Bộ, 2000). Hoạt động sản xuất nông nghiệp với mục tiêu cơ bản là sản xuất ra nhiều lương thực, thực phẩm đáp ứng cho nhu cầu ngày càng tăng của con người. Nói cách khác, mục tiêu hiện nay của loài người là phấn đấu xây dựng một nền nông nghiệp toàn diện về kinh tế, xã hội và môi

trường. Cuộc khủng hoảng lương thực toàn cầu diễn ra gần đây đã gây sức ép rất lớn đến sản xuất lương thực (Nguyễn Văn Sánh, 2009; Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Bé Ba, 2011). Bên cạnh đó sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá dẫn đến tăng giá trị sản xuất, giá trị gia tăng và thu nhập của người sử dụng đất (Đỗ Văn Nhạ, Trần Thanh Toàn, 2016).

Sử dụng đất nông nghiệp nói chung và sử dụng đất sản xuất nông nghiệp nói riêng không

những ảnh hưởng đến việc tạo ra sản lượng nông sản và liên quan trực tiếp tới thu nhập và đời sống của người nông dân mà còn là một phần hợp thành của chiến lược nông nghiệp sinh thái và phát triển bền vững (Đặng Kim Sơn, Trần Công Thắng, 2001). Những năm gần đây cùng với sự phát triển của cơ chế thị trường, chuyển đổi cơ cấu kinh tế thì trong nông nghiệp cũng có sự chuyển dịch quan trọng tạo ra sản phẩm theo hướng hàng hoá nhằm tăng thu nhập của người nông dân (Đỗ Văn Nhạ, Trần Thanh Toàn, 2016), phát triển nông nghiệp sinh thái (Vũ Thị Kim Cúc, 2014). Việc sử dụng đất sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá sẽ hình thành nhiều mô hình có hiệu quả cao, phù hợp với nhu cầu hàng hoá ngày càng tăng trong thị trường.

Huyện Lương Tài nằm ở phía Nam của tỉnh Bắc Ninh với các điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Hiện nay, sản xuất nông nghiệp vẫn là ngành quan trọng, chiếm tỷ trọng cao (chiếm 29,6% cơ cấu kinh tế năm 2015), là nguồn thu chủ yếu của người dân địa phương (UBND huyện Lương Tài, 2015a). Sản xuất lương thực những năm gần đây đang có xu hướng giảm dần, tình trạng độc canh cây lúa ngày càng thu hẹp, nhu cầu về các mặt hàng nông sản hàng hoá như rau, thực phẩm ngày càng tăng. Do đó, chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất gắn với chuyển dịch cơ cấu cây trồng diễn ra hầu hết ở các xã trong huyện. Nhiều mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá đã hình thành và phát triển mạnh từ các kiểu sử dụng đất trên toàn huyện. Các mô hình sử dụng đất được xác định theo tính chất sản xuất hàng hoá và đã được hình thành trên cơ sở thực tế sản xuất của huyện, đã tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá đa dạng của địa phương. Trên cơ sở đó, mục tiêu nghiên cứu là đánh giá hiệu quả cả về kinh tế, xã hội và môi trường của một số mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hàng hoá làm cơ sở cho việc định hướng sử dụng đất lâu dài, bền vững tại Lương Tài. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở để nghiên cứu và phát triển các mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hàng hoá phục vụ cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp của Việt Nam nói chung và địa phương nói riêng. Bên cạnh đó, kết quả còn có ý nghĩa cho việc sử dụng đất nông

nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường cho các vùng gần đô thị như huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phân vùng chọn điểm nghiên cứu

Huyện Lương Tài được chia thành 2 tiểu vùng căn cứ vào điều kiện địa hình, loại đất, chế độ nước và các kiểu sử dụng đất khác nhau giữa vùng trong đê và ngoài đê với các đặc điểm sau:

Tiểu vùng 1 (Khu vực trong đê) là vùng chính, đất đai chủ yếu là đất phù sa, phù sa cổ không được bồi hàng năm. Địa hình bằng phẳng, ít chịu ảnh hưởng của sông Thái Bình do có hệ thống đê bảo vệ, hệ thống cây trồng chuyên lúa là chủ yếu.

Tiểu vùng 2 (Khu vực ngoài đê): bao gồm một phần của các xã Trung Khê, Lai Hạ và Minh Tân, đất đai phần lớn là đất phù sa được bồi đắp hàng năm, không gầy trung tính ít chua. Hệ thống cây trồng phong phú đa dạng chủ yếu là trồng rau màu.

2.2. Điều tra thu thập số thứ cấp

Thu thập tài liệu, số liệu có sẵn từ các cơ quan nhà nước, phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Thống kê, phòng Kế hoạch - Tài chính.

- Thu thập số liệu về đất đai, diện tích, cơ cấu, thành phần từng loại đất... tại phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Thu thập số liệu về cây trồng, cơ cấu mùa vụ, năng suất các loại cây trồng tại phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Số liệu tổng hợp về chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương được thu thập tại phòng Thống kê.

- Số liệu về tài chính như thu nhập, đầu tư được thu thập tại phòng Tài chính kế hoạch.

2.3. Điều tra thu thập số liệu sơ cấp

Các hộ điều tra là những hộ tham gia trực tiếp sản xuất nông nghiệp thuộc 3 xã đại diện cho 2 vùng nghiên cứu, đó là các xã Trung Khê, Lai Hạ và Minh Tân. Các xã này đại diện

Đánh giá hiệu quả của một số mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hàng hoá trên địa bàn huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

Đối tượng cần phỏng vấn	Thông tin cần phỏng vấn
Hộ nông dân	<ul style="list-style-type: none"> - Loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đang canh tác, diện tích, sản lượng, năng suất các loại cây trồng. - Tỷ lệ bán sản phẩm nông nghiệp của hộ, đánh giá theo 3 mức: cao (>70%), trung bình (50 - 70%), thấp (<50%). Tỷ lệ bán trên 50% được coi là sản xuất hàng hoá. - Mức thu nhập từ sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình. - Chi phí sản xuất: chi phí giống, thuốc BVTV, lao động, công cụ lao động... - Hình thức bán các sản phẩm

cho cả 2 vùng với tất cả các kiểu sử dụng đất trong toàn huyện. Mỗi xã tiến hành điều tra 30 hộ và tổng số hộ điều tra là 90 hộ theo phương pháp điều tra phỏng vấn trực tiếp. Nội dung điều tra hộ chủ yếu là: loại cây trồng, diện tích, năng suất cây trồng, chi phí sản xuất, lao động, tỷ lệ hàng hóa, giá cả.

* *Đối tượng và thông tin cần phỏng vấn (xem bảng trên)*

2.4. Đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

a. Hiệu quả kinh tế

Một số chỉ tiêu kinh tế sau đây được sử dụng trong đánh giá:

- Giá trị sản xuất (GTSX): là toàn bộ giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ được tạo ra trong một chu kỳ sản xuất trên một đơn vị diện tích. $GTSX = \text{Sản lượng sản phẩm} \times \text{Giá thành sản phẩm}$.

- Chi phí trung gian (CPTG): là toàn bộ các khoản chi phí vật chất bằng tiền mà chủ hộ bỏ

ra thuê và mua các yếu tố đầu vào và dịch vụ sử dụng trong quá trình sản xuất.

- Giá trị gia tăng (GTGT): là hiệu số của giá trị sản xuất với chi phí trung gian

b. Hiệu quả xã hội

Để đánh giá hiệu quả xã hội của các loại hình sử dụng đất, căn cứ vào một số chỉ tiêu như khả năng thu hút lao động, giải quyết việc làm đảm bảo thu nhập thường xuyên, ổn định cho nông dân.

c. Hiệu quả môi trường

Trong trường hợp nghiên cứu này, chỉ xem xét đánh giá hiệu quả môi trường của từng kiểu sử dụng đất dựa trên việc cho điểm 2 tiêu chí, đó là: mức độ sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác.

Phân cấp chỉ tiêu căn cứ vào thực tế điều tra của các hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp; dựa trên kết quả sản xuất thực tế, để xuất 3 mức độ đánh giá hiệu quả là cao, trung bình và thấp với mức điểm tương ứng là 3, 2 và 1.

Bảng 1. Phân cấp các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế

Cấp đánh giá	Thang điểm	GTSX/ha (triệu đồng)	GTGT/ha (triệu đồng)	HQĐV/ha (lần)
Cao	3	> 150	> 150	> 1,50
Trung bình	2	100 - 150	100 - 150	1,0 - 1,50
Thấp	1	< 100	< 100	< 1,0

Bảng 2. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội

Cấp đánh giá	Thang điểm	CLĐ/ha (công)	GTNCLĐ/ha (nghìn đồng/công)
Cao	3	> 500	> 300
Trung bình	2	300 - 500	200 - 300
Thấp	1	< 300	< 200

Bảng 3. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả môi trường

Cấp đánh giá	Thang điểm	Mức sử dụng phân bón/ha	Mức sử dụng thuốc BVTV/ha
Cao	3	Nằm trong định mức	Nằm trong định mức
Trung bình	2	Dưới định mức	Dưới định mức
Thấp	1	Vượt quá định mức	Vượt quá định mức

Ghi chú: * Đánh giá hiệu quả chung của các LUT; LUT đạt hiệu quả cao có số điểm từ 16 đến 21 điểm.; LUT đạt hiệu quả trung bình có số điểm từ 11 đến 16 điểm; LUT đạt hiệu quả thấp có số điểm nhỏ hơn 11 điểm.

2.5. Phương pháp so sánh

Phương pháp này nhằm so sánh một số kết quả về sử dụng đất, phát triển kinh tế của vùng nghiên cứu. Cụ thể là so sánh các chỉ tiêu sau: Hiện trạng và biến động đất đai, hiệu quả sử dụng đất, tỷ lệ hàng hoá của các loại cây trồng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội huyện Lương Tài

Huyện Lương Tài nằm ở phía Nam của tỉnh Bắc Ninh, cách trung tâm thành phố Bắc Ninh 30 km, cách Hà Nội khoảng 30 km, có diện tích tự nhiên 10.591,59 ha (UBND huyện Lương Tài, 2015b). Huyện nằm trong vùng trọng điểm phát triển nông nghiệp của tỉnh Bắc Ninh, giáp với thành phố Hà Nội, tỉnh Hải Dương là yếu tố thuận lợi và là điều kiện quan trọng tạo lợi thế trong việc mở rộng hợp tác và phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hoá.

Kinh tế của huyện đã có những bước phát triển ổn định vững chắc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng tăng: giai đoạn 2011 - 2015 đạt mức trung bình 5% (UBND huyện Lương Tài, 2015a). Cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo xu hướng tăng tỷ trọng phi nông nghiệp, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng năm 2010 là 37% tăng lên 37,7% năm 2015. Thương mại - dịch vụ năm 2010 là 28,4%, năm 2015 ổn định ở mức 32,7%; Tỷ trọng nông lâm ngư nghiệp năm 2010 là 34,6%, còn 29,6% năm 2015 (UBND huyện Lương Tài, 2015a).

Năm 2015, dân số toàn huyện là 101.464 người, mật độ dân số là 950 người/km². Nam giới có 49.717 người, chiếm 49% dân số toàn huyện,

Nữ giới có 51.747 người, chiếm 51%. Tổng số lao động trong độ tuổi là 57.190 lao động, trong đó 72% làm trong nông nghiệp và 28% làm trong các ngành phi nông nghiệp (UBND huyện Lương Tài, 2015c).

3.2. Thực trạng sử dụng đất nông nghiệp

3.2.1. Hiện trạng và biến động trong sử dụng đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp của huyện là 7.090,01 ha (UBND huyện Lương Tài, 2015b), hiện nay đã và đang tập trung phát triển cây hàng hóa cho giá trị cao như trồng cây rau màu, nuôi trồng thủy sản.

Trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2015, diện tích đất nông nghiệp của huyện đã tăng đáng kể (288,61 ha), trong đó đất trồng cây hàng năm khác tăng 341,89 ha. Như vậy, đất nông nghiệp đã có hướng chuyển dần theo hướng tăng diện tích trồng cây rau màu hàng hoá.

3.2.2. Hiện trạng các loại hình sử dụng đất

Các loại hình sử dụng đất được thu thập trên cơ sở những tài liệu cơ bản của huyện, kết quả điều tra trực tiếp nông hộ được thể hiện trong bảng 5. Như vậy, toàn huyện có 3 loại hình sử dụng đất (LUT) chính với 15 kiểu sử dụng đất khác nhau.

Kết quả cho thấy loại hình sử dụng đất chuyên lúa vẫn chiếm diện tích lớn nhất (89%). Các loại hình sử dụng đất khác chiếm diện tích thấp hơn nhưng đang có xu hướng tăng dần do nhu cầu của thị trường. Đặc biệt các LUT chuyên rau màu tại cả 2 tiểu vùng. Bên cạnh đó, tiềm năng tại vùng 1 còn rất lớn, người dân đang có xu hướng chuyển đổi từ chuyên lúa sang các mô hình trồng cây rau màu.

Đánh giá hiệu quả của một số mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hàng hoá trên địa bàn huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

Bảng 4. Hiện trạng và biến động sử dụng đất nông nghiệp

Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2015 (ha)	So với năm 2010 (ha)	
			Diện tích năm 2010	Tăng (+) giảm (-)
Tổng diện tích tự nhiên		10.591,59	10.566,57	25,02
Đất nông nghiệp	NNP	7.090,01	6.801,40	288,61
<i>Đất sản xuất nông nghiệp</i>	SXN	5.761,10	5.449,10	312,00
- Đất trồng cây hàng năm	CHN	5.648,97	5.262,87	386,10
Đất trồng lúa	LUA	5.108,20	5.063,99	44,21
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	540,77	198,88	341,89
- Đất trồng cây lâu năm	CLN	112,13	186,23	- 74,10
<i>Đất nuôi trồng thuỷ sản</i>	NTS	1.298,88	1352,3	- 53,42
<i>Đất nông nghiệp khác</i>	NKH	30,03		30,03

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lương Tài

Bảng 5. Hiện trạng các loại hình sử dụng đất huyện Lương Tài

LUTs	Vùng 1		Vùng 2	
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<i>I. Chuyên lúa</i>				
1. Lúa xuân - lúa mùa	4.640,66	88,83		
<i>II. Lúa - màu</i>				
2. Lúa xuân - lúa mùa - Khoai Lang	76,24	1,46		
3. Lúa xuân - lúa mùa - khoai tây	77,57	1,48		
4. Lúa xuân - lúa mùa - Đậu tương đông	39,80	0,76		
5. Lúa xuân - lúa mùa - Rau	35,00	0,67		
6. Lúa xuân - lúa mùa - Ngô	83,00	1,59		
7. Lúa xuân - lúa mùa - Cà Chua	12,00	0,23		
8. Lúa xuân - lúa mùa - Hành Tỏi	75,00	1,44		
9. Lúa xuân - lúa mùa - Lạc	35,00	0,67		
<i>III. Chuyên rau màu</i>				
10. Ngô - Cà Rốt			150,00	35,32
11. Đậu tương - Cà rốt			62,70	14,76
12. Lạc - Cà Rốt			97,00	22,84
13. Cà rốt - Rau			95,00	22,37
14. Riêng	120,00	2,30		
15. Chuyên rau	30,00	0,57	20,00	4,71
Tổng	5224,27	100,00	424,70	100,00

Nguồn: Số liệu điều tra 2015

3.3. Đánh giá hiệu quả của các kiểu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp huyện Lương Tài

a. Hiệu quả kinh tế

Hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất với các chỉ tiêu thể hiện trong bảng sau:

Tiểu vùng 1: Trong tiểu vùng này có 11 kiểu sử dụng đất cho hiệu quả kinh tế khác nhau. Các kiểu sử dụng đất chuyên riêng, chuyên rau và 2 lúa - hành tỏi, 2 lúa - cà chua cho hiệu quả kinh tế cao hơn so với các kiểu sử dụng đất còn lại và thấp nhất là chuyên lúa.

Tiểu vùng 2: Đây là vùng đất đai màu mỡ được bồi đắp phù sa thường xuyên của các hệ thống sông rất thích hợp cho phát triển cây rau màu có giá trị kinh tế cao như cà rốt, rau các loại. Kết quả cho thấy các 5 kiểu sử dụng đất tại đây đều cho hiệu quả kinh tế cao. Hiệu quả kinh tế liên quan rất chặt chẽ tới sản phẩm hàng hoá, thị trường sản phẩm và khả năng tiêu thụ trên thị trường.

b. Hiệu quả xã hội

Đánh giá hiệu quả xã hội của một kiểu sử dụng đất thường rất phức tạp và khó định lượng. Trong trường hợp nghiên cứu tại địa bàn huyện Lương Tài, 2 tiêu chí được sử dụng để đánh giá đó là công lao động/ha và giá trị ngày công lao động/ha.

Kết quả cho thấy lúa xuân - lúa mùa vẫn là kiểu sử dụng thu hút ít lao động nhất và cho giá trị ngày công lao động thấp nhất. Kiểu sử dụng rau

màu cho hiệu quả xã hội cao nhất với việc thu hút được nhiều công lao động và giá trị ngày công cao.

c. Hiệu quả môi trường

Đối với việc đánh giá hiệu quả môi trường của từng kiểu sử dụng đất, trong nghiên cứu này chỉ đề cập đến 2 yếu tố ảnh hưởng tới môi trường trong quá trình canh tác đó là sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với phương pháp cho điểm và so sánh với hàm lượng khuyến cáo của địa phương.

Kết quả cho thấy hàm lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật ở hầu hết các kiểu sử dụng đất đều vượt ngưỡng khuyến cáo của địa phương như trồng rau màu. Trong đó, một số kiểu sử dụng đất 3 vụ cho hiệu quả môi trường cao nhất là lúa kết hợp với ngô, lạc. Một số kiểu cho hiệu quả môi trường thấp nhất là chuyên rau, cà rốt, riêng vì lượng bón phân và thuốc bảo vệ thực vật cao hơn so với khuyến cáo.

Bảng 6. Hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất (Tính trên hecta)

LUTs	GTSX (tr.đ)	CPTG (tr.đ)	GTGT (tr.đ)	HQĐV (lần)
Vùng 1				
<i>I. Chuyên lúa</i>				
1. Lúa xuân - lúa mùa	68,61	32,48	36,13	1,11
<i>II. Lúa - màu</i>				
2. Lúa xuân - lúa mùa - Khoai Lang	102,11	47,71	54,40	1,14
3. Lúa xuân - lúa mùa - khoai tây	113,06	54,71	58,35	1,07
4. Lúa xuân - lúa mùa - Đậu tương đông	111,94	57,20	54,74	0,96
5. Lúa xuân - lúa mùa - Rau	212,50	81,37	131,13	1,61
6. Lúa xuân - lúa mùa - Ngô	93,61	44,56	49,05	1,10
7. Lúa xuân - lúa mùa - Cà Chua	221,39	72,76	148,63	2,04
8. Lúa xuân - lúa mùa - Hành Tỏi	210,28	74,15	136,13	1,84
9. Lúa xuân - lúa mùa - Lạc	117,22	54,15	63,07	1,16
<i>III. Chuyên rau màu</i>				
10. Riêng	233,33	70,83	162,50	2,29
11. Chuyên rau	287,78	97,78	190,00	1,94
Vùng 2				
1. Ngô - Cà Rốt	230,88	79,98	150,90	1,89
2. Đậu tương - Cà rốt	249,21	92,62	156,59	1,69
3. Lạc - Cà Rốt	254,49	89,57	164,92	1,84
4. Rau - Cà rốt	349,77	116,79	232,98	1,99
5. Chuyên rau	287,78	97,78	190,00	1,94

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

Đánh giá hiệu quả của một số mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hàng hoá trên địa bàn huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

Bảng 7. Hiệu quả xã hội của các kiểu sử dụng đất (tính trên hecta)

LUTs	Công lao động	GTGT/công (1.000đ)
<i>I. Chuyên lúa</i>		
1. Lúa xuân - lúa mùa	194	186,24
<i>II. Lúa - màu</i>		
2. Lúa xuân - lúa mùa - khoai lang	332	163,86
3. Lúa xuân - lúa mùa - khoai tây	360	162,08
4. Lúa xuân - lúa mùa - đậu tương đông	306	178,89
5. Lúa xuân - lúa mùa - rau	519	252,66
6. Lúa xuân - lúa mùa - ngô	299	164,05
7. Lúa xuân - lúa mùa - cà chua	554	268,29
8. Lúa xuân - lúa mùa - hành tỏi	527	258,31
9. Lúa xuân - lúa mùa - lạc	361	174,71
<i>III. Chuyên rau màu</i>		
10. Ngô - cà rốt	455	331,65
11. Đậu tương - cà rốt	462	338,94
12. Lạc - cà rốt	517	318,99
13. Rau - cà rốt	675	345,16
14. Riêng	500	325,00
15. Chuyên rau	650	292,31

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

Bảng 8. Hiệu quả môi trường của các kiểu sử dụng đất (Tính trên hecta)

LUTs	Lượng phân bón (điểm)	Lượng thuốc BVTV (điểm)	Tổng điểm
<i>I. Chuyên lúa</i>			
1. Lúa xuân - lúa mùa	2	2	4
<i>II. Lúa - màu</i>			
2. Lúa xuân - lúa mùa - khoai lang	2	2	4
3. Lúa xuân - lúa mùa - khoai tây	2	2	4
4. Lúa xuân - lúa mùa - đậu tương đông	2	2	4
5. Lúa xuân - lúa mùa - rau	1	2	3
6. Lúa xuân - lúa mùa - ngô	2	3	5
7. Lúa xuân - lúa mùa - cà chua	1	2	3
8. Lúa xuân - lúa mùa - hành tỏi	1	2	3
9. Lúa xuân - lúa mùa - lạc	2	2	4
<i>III. Chuyên rau màu</i>			
10. Ngô - cà rốt	2	1	3
11. Đậu tương - cà rốt	1	1	2
12. Lạc - cà rốt	1	1	2
13. Rau - Cà rốt	1	1	2
14. Riêng	1	1	2
15. Chuyên rau	1	1	2

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

Đánh giá chung về hiệu quả sử dụng đất của các kiểu sử dụng đất được thể hiện ở bảng 9. Kết quả cho thấy các kiểu sử dụng đất rau màu cho hiệu quả chung là cao nhất, như cây cà rốt, cây riềng, rau các loại, tuy nhiên nó lại ảnh hưởng tới môi trường vì sử dụng lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật vượt quá ngưỡng khuyến cáo. Các kiểu sử dụng đất chuyên lúa, lúa kết hợp với khoai, ngô cho hiệu quả thấp nhất. Một số kiểu 3 vụ còn lại cho hiệu quả trung bình.

3.4. Thực trạng sản xuất nông nghiệp hàng hoá và hiệu quả các mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hàng hoá

3.4.1. Thực trạng tiêu thụ sản phẩm

Qua khảo sát cho thấy những nông sản của huyện chủ yếu được bán ra thị trường thành phố Bắc Ninh, Hà Nội và xuất khẩu sang Trung Quốc. Phương thức thu mua sản phẩm một là có công ty thu mua trực tiếp của các hộ nông dân, hai là thương lái thu mua tại ruộng, số còn lại được các

hộ nông dân mang đi bán tại các chợ trên địa bàn huyện. Tỷ lệ hàng hóa và phương thức tiêu thụ nông sản được thể hiện qua bảng 10.

Kết quả cho thấy, cây lúa chủ yếu được sử dụng nội bộ, tỷ lệ 90%. Các loại cây rau, màu được trao đổi trên thị trường là chủ yếu là rau các loại, cà chua, hành tỏi... với tỷ lệ bán hàng từ 80 - 90%, còn lại được sử dụng nội bộ. Một số cây trồng đặc trưng mang tính hàng hoá lớn của vùng như cây riềng, cà rốt có tỷ lệ hàng hoá lên tới > 95% và sản phẩm được xuất khẩu ổn định sang thị trường Trung Quốc nhiều năm qua.

3.4.2. Hiệu quả của các mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hàng hoá

Trên cơ sở đánh giá thực trạng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất cũng như việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, một số mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá trên địa bàn huyện Lương Tài đã được thống kê được ở bảng 11.

Bảng 9. Tổng hợp hiệu quả của các kiểu sử dụng đất (Tính trên hecta)

LUTs	Hiệu quả kinh tế (điểm)	Hiệu quả xã hội (điểm)	Hiệu quả môi trường (điểm)	Tổng điểm	Đánh giá chung
<i>I. Chuyên lúa</i>					
1. Lúa xuân - lúa mùa	4	2	4	10	Thấp
<i>II. Lúa - màu</i>					
2. Lúa xuân - lúa mùa - khoai lang	5	3	4	12	Trung bình
3. Lúa xuân - lúa mùa - khoai tây	5	3	4	12	Trung bình
4. Lúa xuân - lúa mùa - đậu tương đông	4	3	4	11	Thấp
5. Lúa xuân - lúa mùa - rau	8	5	3	16	Cao
6. Lúa xuân - lúa mùa - ngô	4	2	5	11	Thấp
7. Lúa xuân - lúa mùa - cà chua	8	5	3	16	Cao
8. Lúa xuân - lúa mùa - hành tỏi	8	5	3	16	Cao
9. Lúa xuân - lúa mùa - lạc	5	3	4	12	Trung bình
<i>III. Chuyên rau màu</i>					
10. Ngô - cà rốt	9	5	3	17	Cao
11. Đậu tương - cà rốt	9	5	2	16	Cao
12. Lạc - cà rốt	9	6	2	17	Cao
13. Rau - cà rốt	9	6	2	17	Cao
14. Riềng	9	6	2	17	Cao
15. Chuyên rau	9	5	2	16	Cao

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

Đánh giá hiệu quả của một số mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hàng hoá trên địa bàn huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

Bảng 10. Tỷ lệ hàng hóa và phương thức tiêu thụ các nông sản chính huyện Lương Tài

Tên sản phẩm	Tỷ lệ hàng hóa %		Nơi tiêu thụ	Đối tượng tiêu thụ	Đánh giá mức độ hàng hóa
	Đề sử dụng	Đề bán			
Lúa	90	10	Nhà, chợ	Tư thương	Thấp
Ngô	60	40	Nhà, chợ	Tư thương	TB
Khoai tây	35	65	Chợ	Tư thương	TB
Đậu tương	20	80	Chợ	Tư thương	Cao
Rau	20	80	Ruộng/Chợ	Tư thương	Cao
Cà chua	20	80	Ruộng/chợ	Tư thương	Cao
Lạc	35	65	Chợ	Tư thương	TB
Khoai lang	35	65	Chợ	Tư thương	TB
Hành, tỏi	05	95	Ruộng/Chợ	Tư thương	Cao
Riềng	02	98	Ruộng/Chợ	Tư thương	Cao
Cà rốt	05	95	Ruộng/Chợ	Tư thương	Cao

Nguồn Tổng hợp số liệu điều tra

Bảng 11. Mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa

Tiểu vùng 1	Tiểu vùng 2
<i>I. Lúa - màu</i>	<i>I. Chuyên màu</i>
1. Lúa xuân - lúa mùa - cà chua	1. Ngô - cà rốt
2. Lúa xuân - lúa mùa - rau	2. Đậu tương - cà rốt
3. Lúa xuân - lúa mùa - hành, tỏi	3. Lạc - cà rốt
<i>II. Chuyên màu</i>	4. Rau - cà rốt
4. Chuyên rau	5. Chuyên rau
5. Chuyên riềng	

Tiểu vùng 1 (trong đê) hiện nay có mô hình hai lúa chiếm tỷ lệ lớn nhất, nhưng khi đánh giá hiệu quả sử dụng đất thì có 5 mô hình có hiệu quả cao và phát triển theo hướng hàng hoá đó là mô hình chuyên rau, chuyên riềng, lúa kết hợp rau, hành tỏi, cà chua. Tiểu vùng 2 (ngoài đê) cũng có 5 mô hình cho hiệu quả cao như vậy là mô hình chuyên rau, cà rốt kết hợp với rau, đậu, lạc và ngô. Kết quả đánh giá sẽ cho thấy mô hình sử dụng đất nào cho hiệu quả cao hơn các mô hình khác. Chính vì thế, nhiều công ty đã thuê đất của nhân dân và tổ chức sản xuất như trồng rau, trồng cà rốt, trồng riềng phục vụ cho nhu cầu tại các thành phố và xuất khẩu sang Trung Quốc. Tuy nhiên, bên cạnh việc cho hiệu quả kinh tế, xã hội cao thì các mô hình này lại ảnh hưởng xấu đến môi trường do sử dụng vượt mức khuyến cáo về phân hoá học và thuốc bảo

vệ thực vật. Như vậy, trong tương lai cần quan tâm đến sản xuất hữu cơ để có sản phẩm hàng hoá sạch cung cấp cho thị trường.

4. KẾT LUẬN

Huyện Lương Tài có điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội khá thuận lợi cho phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hoá như điều kiện đất đai, địa hình, vị trí địa lý. Trong giai đoạn 2011 - 2015 tốc độ tăng trưởng ở mức khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp.

Tổng diện tích đất trồng cây hàng năm là 5.648,97 ha với 15 kiểu sử dụng đất của 3 loại hình sử dụng đất chính là LUT chuyên lúa, LUT lúa - màu, LUT chuyên rau màu. Một số kiểu sử dụng đất cho hiệu quả cao như chuyên

rau, cà rốt, lúa kết hợp hành tỏi, cà chua. Đây là các kiểu sử dụng đất phù hợp với điều kiện tự nhiên và nhu cầu hiện nay của thị trường.

Sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đang thay đổi mạnh theo hướng hàng hoá, như các loại cây rau màu được bán ra thị trường. Cây lúa có tỷ lệ hàng hoá ít nhất, chỉ khoảng 10% sản phẩm được bán trên thị trường, còn lại là tiêu dùng của hộ gia đình. Thị trường sản phẩm nông nghiệp của huyện lớn đã tạo điều kiện thuận lợi cho sử dụng đất theo hướng hàng hoá như các mô hình chuyên rau, riêng, cà rốt, lúa kết hợp với rau, cà chua, hành tỏi và được đánh giá là có hiệu quả cao hơn so với các mô hình khác. Đây là cơ sở để định hướng sử dụng đất trong tương lai nhằm nâng cao giá trị sản xuất và giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Văn Bộ (2000). Bón phân cân đối và hợp lý cho cây trồng, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Vũ Thị Kim Cúc (2014). Chuyên dịch cơ cấu lãnh thổ nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá ở thành phố Hải Phòng - Tạp chí khoa học, Trường đại học Hải Phòng, 1(1).
- Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Bé Ba (2011). An ninh lương thực vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí khoa học, Trường đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, 32.
- Đỗ Văn Nhạ, Trần Thanh Toàn (2016). Đánh giá thực trạng sử dụng đất nông nghiệp theo hướng hàng hoá trên địa bàn huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Tạp chí Khoa học và Phát triển, 14(5).
- Nguyễn Văn Sán (2009). An Ninh lương thực quốc gia: Nhìn từ khía cạnh nông dân trồng lúa và giải pháp liên kết vùng và tham gia “4 nhà” tại vùng ĐBSCL, Tạp chí khoa học, Trường đại học Cần Thơ, 12: 171 - 181.
- Đặng Kim Sơn, Trần Công Thắng (2001). Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở một số nước Đông Nam Á, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, 274: 60 - 69.
- UBND huyện Lương Tài (2015a). Báo cáo tính hình phát triển kinh tế xã hội năm 2015 và phương hướng phát triển kinh tế xã hội năm 2016 huyện Lương Tài.
- UBND huyện Lương Tài (2015b). Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Lương Tài.
- UBND huyện Lương Tài (2015c). Niên giám thống kê năm 2015 huyện Lương Tài.